

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2018/HC-PT
Ngày: 10-8-2018
V/v khiếu kiện: Quyết định hành
chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh.

Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 195/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC- ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1019/2018/QĐ- PT ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Văn O, sinh năm 1963, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Khu 1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND tỉnh B1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 01 đường P, phường P1, thành phố B2, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Chủ tịch UBND huyện X;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh M- Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Quốc lộ 55, thị trấn P2, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T1, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X, có mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn O, người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/3/2003, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B1 có Quyết định số 1931/QĐ.UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/2000 khu du lịch và dân cư L – huyện X.

Ngày 18/7/2003, UBND huyện X ban hành Quyết định số 2473/QĐ-UB về việc thành lập Đoàn thanh tra xác minh và xử lý các trường hợp vi phạm về đất đai trên địa bàn huyện X. Ngày 21/5/2004, UBND huyện X có Báo cáo số 23/BC-UB về tình hình xử lý vi phạm pháp luật đất đai tại khu vực dự án L, xã B, huyện X. Ngày 03/6/2004, UBND huyện X có Báo cáo số 26/BC-UB báo cáo kết quả Thanh tra các vụ vi phạm pháp luật đất đai tại khu vực dự án L, thuộc xã B, huyện X, tỉnh B1.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng tại Công văn số 1824/VPCP-VII ngày 15/4/2004 v/v giao Thanh tra Nhà nước phối hợp cùng Ủy ban nhân dân tỉnh B1 kiểm tra làm rõ những vấn đề công dân khiếu kiện, có biện pháp giải quyết xử lý từng trường hợp cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật để ổn định tình hình trật tự an ninh tại địa phương.

Ngày 02/8/2004, Thanh tra Nhà nước có Báo cáo số 1131/BC-TTNN về kết quả kiểm tra việc khiếu kiện tại xã B, huyện X và xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh B1.

Để chỉ đạo thực hiện Báo cáo số 1131/BC-TTNN của Thanh tra Nhà nước, ngày 19/8/2004 Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4341/VPCP-VII về việc xử lý tình hình khiếu tố ở huyện X tỉnh B1, có nội dung “Yêu cầu Bộ Công an và UBND tỉnh B1 tiếp tục thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1824/VPCP-VII ngày 15/4/2004 của Văn phòng Chính phủ để xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm pháp luật. UBND tỉnh B1 có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Nhà nước, làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành tại địa phương trong việc buông lỏng quản lý hoặc tiếp tay cho vi phạm pháp luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

Ngày 25/01/2005, UBND tỉnh B1 có Công văn số 509/UB-VP về chỉ đạo tiếp tục xử lý tình hình khiếu tố ở huyện X và huyện Tân Thành.

Ngày 17/4/2013, UBND xã B lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 36/BB-VPHC đối với ông Bùi Văn O đã có hành vi tự ý lấn chiếm đất trong phần diện tích đất công do UBND xã B quản lý, diện tích đất lấn chiếm sử dụng là 7.560m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19 xã B, huyện X.

Ngày 29/8/2013 UBND huyện X ban hành Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ (Gọi là *Quyết định 3305*) có nội dung:

Hậu quả cần khắc phục là: Ông Bùi Văn O phải giao trả lại diện tích đất lấn chiếm cho UBND xã B quản lý.

Biện pháp để khắc phục hậu quả là: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Không đồng ý Quyết định số 3305, ông O khiếu nại, ngày 03/12/2013 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định 4553/QĐ-UBND (Gọi là *Quyết định 4553*) giải quyết khiếu nại lần đầu của ông O, với nội dung: Không chấp nhận đơn của ông O. Giữ nguyên Quyết định 3305, ông O tiếp tục khiếu nại, ngày 15/6/2016, Chủ tịch UBND tỉnh B1 ban hành Quyết định số 1544/QĐ-UBND (Gọi là *Quyết định 1544*) về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông O, với nội dung bác đơn của ông khiếu nại Quyết định 3305.

Ngày 05/8/2016 ông O có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT yêu cầu hủy các Quyết định số 3305, Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Cuối năm 1999, ông O ở tỉnh Ninh Thuận đến huyện X để tìm hiểu mua đất của ông Mai Văn T2 và bà Nguyễn Thị H. Qua những người sống xung quanh, ông O biết đất của ông T2 có nguồn gốc là đất bưng, đất hoang, chỉ có cây chà là tự mọc, sau đó ông T2 cùng gia đình khai hoang, cải tạo đất, đào ao nuôi tôm từ năm 1992. Đến năm 2000, ông T2 và bà H sang nhượng lại 03 hồ nước, diện tích mặt nước khoảng hơn 20.000m² cho ông Lương Ngọc S, là em vợ ông O bằng giấy viết tay. Tuy nhiên, ông O không còn bản chính “giấy sang nhượng” vì đã nộp cho UBND xã B để đo bao tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng UBND xã đã không thực hiện việc đo bao tách thửa và nôi giấy tờ của ông O bị thất lạc. UBND xã B cũng xác nhận việc làm mất giấy tờ của ông tại Đơn xin xác nhận ngày 18/7/2016. Sau đó ông S, ông O, ông C và ông Nguyễn Ngọc M1 chia đều cho nhau để canh tác. Ông O và ông S nhận 01 ao lớn nhất và tách ra thành 02 ao nhỏ để mỗi người tự nuôi tôm. Hiện nay ông O đang nuôi tôm. Ông O

có xây dựng một căn nhà lợp mái tole, nền lát xi măng để ở và trông coi vườn ao. Ngoài diện tích đất trên ông O không còn diện tích đất nào khác để ở.

Đến năm 2013 cán bộ địa chính của xã B xuống và yêu cầu ông kê khai toàn bộ tài sản, hoa màu, vật kiến trúc trên đất nhưng không nói để làm gì. Họ cũng yêu cầu ông không được thay đổi hiện trạng đất, ông có ký vào Biên bản lúc đó nhưng không biết nội dung của biên bản là gì. Nếu biết đó là Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về đất đai thì ông không ký.

Trong quá trình sử dụng đất, UBND xã B còn thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về nuôi trồng thủy sản và trồng trọt, có nhiều chính sách khuyến khích người dân sản xuất nông nghiệp, không có ai nói ông O sử dụng đất bất hợp pháp. Sau khi nhận được Quyết định số 3305, ông khiếu nại thì mới biết có Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 17/4/2013 và Biên bản xác định hiện trạng đất ngày 16/4/2013. Ông O đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh B1 và Chủ tịch UBND huyện X xem xét công nhận quyền sử dụng đất của ông, vì gia đình ông O không còn đất nào khác để sử dụng, đất của ông sử dụng ổn định, nhận chuyển nhượng hợp pháp, gia đình ông O cũng đã đầu tư nhiều công sức, tiền bạc lên đất đó để canh tác. Nếu UBND huyện X thu hồi đất của ông O mà không bồi thường, hỗ trợ thì ông O không đồng ý.

Ông O khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định 3305, Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện trình bày:

Các Quyết định số 3305, Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 đã căn cứ Điều 6 Luật Đất đai 1993; Điều 15 Luật Đất đai 2003; khoản 3 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Điều 3, khoản 1 khoản 3 Điều 4, điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính Phủ.

Về nội dung: Ngày 17/4/2013, UBND xã B tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông O do có hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai: Tự ý lấn, chiếm trái pháp luật trên phần diện tích đất công do UBND xã B quản lý (thể hiện theo hồ sơ địa chính năm 1997). Do đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên ngày 29/8/2013 UBND huyện ban hành Quyết định số 3305 áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đất do ông O đang sử dụng 7.560m² đất thuộc một phần thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, xã B, huyện X. Đây là một phần diện tích ông Mai Văn T2 lấn chiếm đất công do nhà nước quản lý. Năm 2000 ông T2 tự ý chuyển nhượng cho các ông O, C, S. Hành vi lấn chiếm đất nhà nước quản lý của ông T2 đã được Thủ tướng Chính phủ kết luận và chỉ đạo thu hồi tại Công văn số 4341/VPCP-VII ngày

19/8/2004 của Văn phòng Chính phủ và Báo cáo số 1131/BC-TTNN ngày 02/8/2004 của Thanh tra Nhà nước.

Để xử lý việc lấn chiếm đất công do UBND xã B quản lý, UBND huyện X đã thành lập đoàn thanh tra đặc biệt theo Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 18/7/2003, để thanh tra các vụ việc vi phạm pháp luật đất đai tại dự án L xã B. Ngày 21/5/2004, UBND huyện có báo cáo số 23/BC-UB xử lý vi phạm pháp luật đất đai tại khu vực L, khẳng định trường hợp ông T2 lấn chiếm đất công để tặng cho mua bán là trái với quy định của pháp luật về đất đai. Do tính chất nghiêm trọng của sự việc tại địa phương, nên sau đó Thanh tra nhà nước (nay là Thanh tra Chính phủ) đã thành lập đoàn thanh tra việc lấn chiếm đất tại dự án L.

Tình trạng lấn chiếm đất như ông T2 là khoảng 10 hộ tại khu vực dự án L, tất cả những hộ này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất những người này đã bán, tặng cho rất nhiều người. Chính quyền các cấp đã phải xử lý vi phạm đối với 81 trường hợp, trong đó chỉ có 31 trường hợp khiếu nại tới UBND tỉnh. Đồng thời Thanh tra Nhà nước kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh B1 xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm và thu hồi đất trả lại cho Nhà nước quản lý theo quy định. Ngày 25/01/2005, UBND tỉnh B1 có Công văn số 509/UB-VP chỉ đạo UBND huyện X xử lý dứt điểm việc thu hồi đất của các đối tượng chưa trả lại đất lấn chiếm tại dự án L. Như vậy, việc ông O lấn chiếm, nhận chuyển nhượng đất công do UBND xã B quản lý là trái với quy định pháp luật về đất đai.

Theo Điều 6 Luật Đất đai 1993 quy định: “Nghiêm cấm việc lấn, chiếm đất đai chuyển quyền sử dụng đất trái phép”; Điều 15 Luật Đất đai 2003 “Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm đất đai, không sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã công bố”; khoản 3 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 3 và điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định 105/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định 3305; Quyết định 4553 và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT là đúng pháp luật, cụ thể:

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định 3305; ngày 17/4/2013 UBND huyện lập Biên bản xác định hiện trạng đất số 36/BB-HT và Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 36/BB-VPHC theo đúng mẫu quy định tại Nghị định 81/2013/NĐ-CP. Ngày 21/8/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X có Tờ trình số 948.

Về thời hiệu: Theo Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính, do đã hết thời hiệu xử phạt nên UBND huyện không áp dụng hình thức phạt tiền đối với ông O

mà chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ông O sử dụng đất mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hành vi chiếm đất công theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ. Hành vi vi phạm này đã được thanh tra huyện X, Thanh tra Chính phủ phát hiện và yêu cầu xử lý từ năm 2003. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 3305 đối với ông O là đúng pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 4, điểm d khoản 1 Điều 9, điểm d khoản 2, Điều 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh B1 ban hành Quyết định 1544 bác đơn khiếu nại của ông O và giữ nguyên Quyết định 3305 và Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X là đúng; vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính số 17/2017/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn O đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định 4553/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305 và Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/6/2017, Ông Bùi Văn O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án theo hướng hủy các Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hủy Quyết định 4553/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305/QĐ-KHHQ ngày 29/8/2013; hủy Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305/QĐ-KHHQ của Chủ tịch UBND huyện X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Văn O vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện X trình bày: Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định 3305 và Quyết định 4553 là đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông O:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Diện tích đất 7.560m² thuộc một phần thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, xã B, huyện X ông O đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn T2. Đây là phần diện tích ông Mai Văn T2 lấn chiếm đất công do nhà nước quản lý. Hành vi lấn chiếm đất nhà nước quản lý của ông T2 đã được Thủ tướng Chính phủ kết luận và chỉ đạo thu hồi tại Công văn số 4341/VPCP-VII ngày 19/8/2004 của Văn phòng Chính phủ và Báo cáo số 1131/BC-TTNN ngày 02/8/2004 của Thanh tra Nhà nước. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông O và ông T2 là trái pháp luật. Biên lai nộp thuế không phải là giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. Ông O sử dụng đất mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đã hết thời hiệu xử phạt nên UBND huyện không áp dụng hình thức phạt tiền đối với ông O mà chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là ông O phải giao trả lại diện tích đất lấn chiếm cho UBND xã B quản lý và khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm. Các Quyết định 3305, Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 ban hành đúng pháp luật. Ông O kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Bản án hành chính sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông O là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện X; Quyết định 4553/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông O đề nghị sửa Bản án theo hướng hủy các Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hủy Quyết định 4553/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305/QĐ-KHHQ ngày 29/8/2013; hủy Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305/QĐ-KHHQ của Chủ tịch UBND huyện X.

[2.1] Về trình tự, thủ tục: Các Quyết định 3305, Quyết định 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, 2003, Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Ông O sử dụng 7.560m² đất từ trước đến nay không có các giấy tờ theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Việc sử dụng đất của ông O là vi phạm quy định tại các Điều 29, 31, 47 và khoản 1 Điều 49 Luật Đất đai năm 1987; Điều 4, 8 Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai năm 1987.

Từ trước đến nay Nhà nước quản lý diện tích đất này, thể hiện trong Sổ mục kê năm 1997 và năm 2005 toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19 xã B là đất do UBND xã B quản lý. Từ năm 2003 đến nay, đất này nằm trong quy hoạch chi tiết TL 1/2000 khu du lịch và dân cư L- huyện X theo Quyết định số 1931/QĐ-UB của UBND tỉnh B1. Dự án này cho đến nay vẫn đang trong quá trình thực hiện.

Việc sử dụng đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai “chiếm đất là sử dụng đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép”. Hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của ông O đã bị phát hiện và lập Biên

bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai ngày 10/11/2003, đã được Thanh tra Nhà nước kết luận tại Báo cáo số 1131/BC-TTNN ngày 02/8/2004 và Thủ tướng Chính phủ kết luận và chỉ đạo thu hồi tại Công văn số 4341/VPCP-VII ngày 19/8/2004 của Văn phòng Chính phủ.

Đến ngày 17/4/2013, UBND xã B mới lập Biên bản hiện trạng và vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 36/BB-VPHC. Ngày 29/8/2013, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 3305 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 9, điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ thì vi phạm của ông O đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên người được ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện X không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định của pháp luật.

Các Quyết định số 4553 của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định 1544 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 về việc giải quyết khiếu nại của ông O đối với Quyết định số 3305 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông O kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông O, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: Ông O phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 34, 37 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Bùi Văn O và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn O đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 3305/QĐ-KPHQ ngày 29/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi

phạm hành chính, Quyết định 4553/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305 và Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B1 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Văn O đối với Quyết định 3305.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Văn O phải nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000661 ngày 20/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông O đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn O có trách nhiệm thi hành là 300.000 đồng nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông O đã nộp theo Biên lai thu tiền số: TU/2016/0003492 ngày 18/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông O đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (5).14b.(Án 22)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương